| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 117/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trường

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Minh Lý

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thị Kiều Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 289/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị L, sinh năm 1995. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 45, Khu phố 6, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Thôn O, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hoá; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*2. Bị đơn:* Anh Thái Hoàng T, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Tổ 45, Khu phố 6, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn – chị Lâm Thị L trình bày:* Chị L và anh T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương là hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống, chị L và anh T có 01 người con chung tên Thái Lâm Bảo N, sinh ngày 29/10/2014. Sau khi kết hôn, chị L và anh T sống hạnh phúc, một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh T không chăm lo cho gia đình, thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời, nghiện hút, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn

quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; mặc dù, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được, từ năm 2020 cho đến nay đã sống ly thân nhau.

Nay, chị L thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống, nên khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T; về con chung: Chị L yêu cầu được nuôi cháu N và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh Thái Hoàng T đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập tham gia hòa giải, tham gia phiên họp và tham gia phiên tòa hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không tham gia tố tụng và không gửi văn bản giải trình về vụ kiện cho Tòa án.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật; bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Vợ chồng chị L và anh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp; do mâu thuẫn vợ chồng chị L và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L; về con chung, do anh T không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến về việc nuôi con; con chung còn nhỏ đang sống chung với chị L và nguyện vọng của cháu N là được sống chung với mẹ nên đề nghị giao cháu Thái Lâm Bảo N cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc. Về tài sản chung, nợ chung, cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn không có yêu cầu nên không đề nghị giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Thái Hoàng T hiện đang cư trú tại: Tổ 45, Khu phố 6, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một; anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; chị Lâm Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Chị Lâm Thị L và anh Thái Hoàng T chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia

đình. Quá trình chung sống, do hai bên bất đồng về quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau; vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; tình cảm vợ chồng không còn, hai người đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

[3] Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lâm Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Thái Hoàng T là đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị L.

[4] Về con chung: Chị L và anh T có 01 người con chung tên Thái Lâm Bảo N, sinh ngày 29/10/2014; chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; quá trình giải quyết vụ án anh T không đến Tòa án làm việc, không có kiến về việc nuôi con. Xét thấy, cháu N hiện nay còn nhỏ, là nữ và đang sống chung với mẹ nên việc chăm sóc, giáo dục của chị L sẽ tốt hơn cho sự phát triển bình thường của cháu N, nên cần giao cháu N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; do chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do các bên đương sự không có yêu cầu tranh chấp nên không giải quyết.

[6] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L và giao con chung cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 266 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Thị L đối với bị đơn anh Thái Hoàng T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con";

Chị Lâm Thị L được ly hôn anh Thái Hoàng T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 188, quyển số 01/2015 ngày 19/12/2015 do Uỷ ban nhân dân phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp cho chị Lâm Thị L và anh Thái Hoàng T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cháu Thái Lâm Bảo N, sinh ngày 29/10/2014 cho chị Lâm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Thái Hoàng T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Thái Hoàng T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở anh T thực hiện quyền này; trường hợp, anh T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị L thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

Sau này, vì lợi ích hợp pháp của cháu Thái Lâm Bảo N, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu tranh chấp nên không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lâm Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0001508 ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

***Nơi nhận:***
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND Phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Trường**